TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGHI SƠN** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HS-ST
Ngày: 07-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Đình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Hưng

Bà Nguyễn Thị Sen

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnhThanh Hoá

- Đại diện VKSND thị xã Nghi Sơn tham gia phiên toà: Ông Lâm Ngọc A, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Q - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 52/2025/HSST ngày 04/4/2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-HS ngày 14/4/2025 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị A1 - Sinh năm 1981, tại phường T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tiểu khu B, phường H, thị xã N, tinh T15; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lê Văn T (đã chết) và bà Lê Thị Đ (đã chết); Chồng: Ngô Quốc H; có 02 con; lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không;

Số CCCD: 038181020218; cấp ngày 15/10/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 16/8/2024, sau đó được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh và và áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị H1 - Sinh năm 1986, tại phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Viết K và bà Lê Thị D; Chồng: Nguyễn Văn T1; có 02 con; lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Số CCCD: 038186030935; cấp ngày 16/12/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

L2 sinh hoạt tại chi bộ tổ dân phố T thuộc Đảng bộ phường H, thị xã N (Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 194 – QĐ/UBKTTU ngày 24/9/2024)

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 07/8/2024, sau đó được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh và áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Trùy C - Sinh năm 1984, tại xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Căn hộ A Tầng A, Chung cư K, Ấp E, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Văn C1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc A2; Vợ: Nguyễn Thị Thảo N (bị cáo trong vụ án); có 02 con; lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Số CCCD: 07508410668; cấp ngày 07/3/2023; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/5/2024 đến ngày 10/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh và áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị Thảo N - Sinh năm 1990, tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Căn hộ A Tầng A, Chung cư K, Ấp E, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Văn T2, (đã chết) và bà Vũ Thị M; Chồng: Nguyễn Trùy C (là bị cáo trong vụ án); có 02 con; lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không;

Số CCCD: 075190025717; cấp ngày 07/3/2023; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 24/5/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Thị O - Sinh năm 1989, tại phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tiểu khu E, phường H, thị xã N, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lê Bá Đ1 và bà Lê Thị Â; Chồng: Nguyễn Tuấn A3; có 03 con; lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Số CCCD: 038189016192; cấp ngày 10/5/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 27/4/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Phạm Hà H2 - Sinh năm 1979, tại phường N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tiểu khu F, phường H, thị xã N, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc:

Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Phạm Văn T3 (đã chết) và bà Trương Thị D1; Vợ: Phạm Thị Kim D2; có 02 con; lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không;

Số CCCD: 038079003958; cấp ngày 17/8/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 09/9/2024 được thay thế biên pháp ngăn chặn bảo lĩnh và áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Văn T4 - Sinh năm 1987, tại xã A, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn X, A, thị xã N, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Văn T5 và bà Vũ Thị N1; Vợ: Nguyễn Thị T6; có 02 con; lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Số CCCD: 038087014532; cấp ngày 10/8/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 27/4/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và và áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Văn H3 - Sinh năm 1964, tại xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã N, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Văn Đ2 (đã chết) và bà Lê Thị S (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Đ3; có 03 con; lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không;

Số CCCD: 038064001234; cấp ngày 10/8/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 27/4/2024 đến ngày 07/01/2025 bị bắt tạm giam đến ngày 06/02/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Trần Thị H4 - Sinh năm 1993, tại xã Đ, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tiểu khu C, phường H, thị xã N, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Kế toán; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Trần Thế T7 (đã chết) và bà Lường Thị T8; Chồng: Phạm Thành T9; có 02 con; lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không;

Số CCCD: 038193022812; cấp ngày 16/02/2022; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 27/4/2024 đến ngày 07/01/2025 bị bắt tạm giam đến ngày

06/02/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Bị cáo cso mặt tại phiên tòa.

10. Bùi Sỹ N2 - Sinh năm 1984, tại xã A, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn X, A, thị xã N, Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 02/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Bùi Sỹ T10 và bà Nguyễn Thị K1; Vợ: Lường Thị H5; có 02 con; lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không;

Số CCCD: 038084022815; cấp ngày 11/8/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 27/12/2024. Bị cáo cso mặt tại phiên tòa.

11. Nguyễn Ngọc H6 - Sinh năm 1972, tại phường M, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường M, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Ngọc H7 và bà Lê Thị C2; Vợ: Nguyễn Thị H8; có 02 con; lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không;

Số CCCD: 038072034796; cấp ngày 15/8/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội;

L2 sinh hoạt tại chi bộ tổ dân phố K, Đảng bộ phường M, thị xã N (Đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 219a-QĐ/UBKTTU ngày 24 tháng 4 năm 2025).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 27/12/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:***

1. Chi cục thuế khu vực X

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình Đ4 – Chức vụ: Chi cục trưởng; Địa chỉ: Số C đường L, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt)

2. Chi cục thuế khu vực VI

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Bá N3 – Chức vụ: Chi cục trưởng; Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2024, lợi dụng sự sơ hở trong công tác quản lý hóa đơn điện tử của các cơ quan chức năng và nhu cầu mua hóa đơn của các doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn, Lê Thị A1 đã sử dụng giấy tờ tùy thân của A1 và của người thân trong gia đình thành lập 03 Công ty "Ma" nhằm mục đích xuất bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) cho các đơn vị, cá

nhân có nhu cầu để thu lợi bất chính. Ngoài ra, A1 và một số đối tượng khác còn làm trung gian liên hệ mua hóa đơn của một số doanh nghiệp trong và ngoài địa bàn kê khai đầu vào cho các Công ty của A1 và bán lại cho các doanh nghiệp có nhu cầu mua hóa đơn để hợp thức hàng hóa, dịch vụ đầu vào và kê khai thuế, nhằm trốn thuế.

Cụ thể:

I. HÀNH VI CỦA NHÓM BỊ CÁO TRỰC TIẾP HOẶC QUA TRUNG GIAN XUẤT BÁN HÓA ĐƠN

1. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Lê Thị An

Vào năm 2021, Lê Thị A1 đã mượn thẻ căn cước công dân của chú họ là ông Lê Văn M1 *(sinh năm 1974, trú tại tổ dân phố T, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa)* đưa cho Lê Thị H1 *(sinh năm 1986, trú tại tổ dân phố T, phường H, thị xã N)* nhờ làm thủ tục thành lập Công ty TNHH X, MST: 2802946934, có địa chỉ tại tổ dân phố D, phường X, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa, mục đích sử dụng Công ty này để xuất bán trái phép hóa đơn GTGT cho các đơn vị, cá nhân có nhu cầu. Thực hiện ý định trên, A1 thuê H1 làm Kế toán cho Công ty, giao cho H1 mua phần mềm hóa đơn điện tử, chữ ký số, con dấu, đồng thời chịu trách nhiệm giữ USB chữ ký số của Công ty X để tạo nháp và ký xuất hóa đơn bán cho khách hàng. Mỗi tháng A1 trả công cho H1 1.000.000 đồng, H1 làm cho A1 tổng cộng 12 tháng được A1 trả công số tiền 12.000.000 đồng.

Tiếp đó vào năm 2022, A1 đã mượn thẻ căn cước công dân của em dâu là Hoàng Thị Phương T11 làm thủ tục đăng ký thành lập Công ty TNHH X, MST: 2803027531, địa chỉ tại tổ dân phố D, phường X, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa và sử dụng căn cước của A1 đăng ký thành lập Công ty TNHH X, MST: 2803034200, địa chỉ tại tiểu khu B, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa cũng với mục đích sử dụng 02 công ty này để xuất bán trái phép hóa đơn.

Để che giấu hoạt động xuất bán hóa đơn trái phép của các công ty, A1 đã liên hệ với Nguyễn Trùy C *(sinh năm 1984, trú tại căn hộ A Tầng A, Chung cư K, Ấp E, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh)* mua trái phép 88 hóa đơn GTGT với tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 43.928.454.248 đồng và liên hệ mua trên mạng xã hội zalo 57 hóa đơn GTGT với tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 714.530.838 đồng của một người không quen biết (chưa xác định được danh tính, địa chỉ) sử dụng để kê khai đầu vào cho các công ty A4 thành lập trên với mức phí mua là 1,5% giá trị hàng hóa trước thuế ghi trong hóa đơn. Tổng số tiền A1 trả phí mua hóa đơn là 669.644.776 đồng. Đồng thời để hợp thức thủ tục thanh toán qua ngân hàng cho các hóa đơn GTGT đã xuất bán, A1 đăng ký mở tài khoản ngân hàng cho 03 Công ty trên. Các đơn vị mua hóa đơn sẽ chuyển tiền vào tài khoản của các Công ty xuất hóa đơn và từ tài khoản của các Công ty này, A1 sẽ rút tiền mặt trả lại cho các đơn vị mua hóa đơn.

Quá trình điều tra xác định, trong thời gian từ tháng 4/2021 đến tháng 12/2023, A1 đã sử dụng 03 công ty trên xuất bán trái phép 128 hóa đơn GTGT cho các Doanh nghiệp có tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn là

38.018.464.811 đồng với mức phí 2% giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn thu được số tiền 760.369.296 đồng. Cụ thể:

- Công ty TNHH X: Trong năm 2022, A1 đã mua vào 108 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 36.229.629.541 đồng để kê khai đầu vào cho Công ty và xuất bán 79 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 28.447.424.916 đồng cho các đơn vị, gồm: Công ty cổ phần H9 42 hóa đơn có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 16.421.321.804 đồng; Công ty Đ6 mua 09 hóa đơn có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 3.152.000.000 đồng; Hợp tác xã Kinh Gia 16 hóa đơn có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 5.271.000.000 đồng; Công ty TNHH T16 01 hóa đơn có giá trị hàng hóa trước thuế là 1.081.980.000 đồng và một số Công ty khác trong và ngoài địa bàn đều mua số lượng dưới 10 hóa đơn *(có danh sách kèm theo)*.

- Công ty TNHH X: Trong năm 2022, A1 đã mua vào 33 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 7.427.945.645 đồng để kê khai đầu vào cho Công ty và xuất bán 46 số hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 8.551.962.972 đồng, trong đó có Công ty Cổ phần H9 mua 07 hóa đơn có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 1.805.000.000 đồng, Hợp tác xã K2 01 hóa đơn có giá trị hàng hóa trước thuế là 250.000.000 đồng và một số Công ty khác trong và ngoài địa bàn đều mua số lượng dưới 10 hóa đơn *(có danh sách kèm theo)*.

- Công ty TNHH X: Trong năm 2022, A1 đã mua vào 03 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 985.409.900 đồng để kê khai đầu vào cho Công ty và xuất bán 03 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 1.019.076.923 đồng cho 02 đơn vị, gồm Công ty Cổ phần H9 mua 01 hóa đơn có giá trị hàng hóa trước thuế là 814.000.000 đồng và Công ty V1 02 hóa đơn với giá trị hàng hóa trước thuế 205.076.923 đồng.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2023, Lê Thị A1 còn liên hệ với Nguyễn Trùy C mua trái phép 53 hóa đơn GTGT xuất cho 05 đơn vị có tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn là 73.873.594.574 đồng *(có danh sách kèm theo)* với mức phí 1,5% giá trị hàng hóa trước thuế để bán lại cho Lê Thị H1 với mức phí là 2% giá trị hàng hóa trước thuế, qua đó An hưởng chênh lệch, thu lời bất chính số tiền 369.367.972 đồng.

Như vậy, tổng số hóa đơn A1 mua bán trái phép được xác định là 326 số; tổng số tiền A1 thu lợi bất chính *(sau khi trừ đi chi phí thành lập công ty, mua phần mềm hóa đơn điện tử, chữ ký số Token 9.687.000 đồng; chi phí mua hóa đơn kê khai đầu vào cho các Công ty 669.644.776 đồng; chi phí tiền công trả cho H1 12.000.000 đồng và đóng thuế GTGT, thuế TNDT và phí môn bài của Công ty TNHH X, Công ty TNHH X 46.154.669 đồng)* từ hành vi mua bán trái phép hóa đơn là 392.250.824 đồng.

2. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Lê Thị H1

Ngoài hành vi tham gia cùng với Lê Thị A1 thành lập Công ty X xuất bán 79 hóa đơn GTGT (trong đó có 02 hóa đơn H1 trực tiếp mua của A1 xuất bán cho Công ty TNHH T16 và Công ty TNHH I để hưởng chênh lệch), thì trong vai trò là

Kế toán cho một số Công ty trên địa bàn thị xã N, H1 được các Giám đốc Công ty G1 mua và bán hóa đơn để hợp thức hàng hóa đầu vào và sử dụng kê khai thuế. Cụ thể trong năm 2022, Lê Thị H1 đã thực hiện các lần mua bán trái phép hóa đơn như sau:

- H1 liên hệ mua của Lê Thị A1 55 hóa đơn (trong đó có 53 hóa đơn A1 mua từ Nguyễn Trùy C bán lại cho H1 và 02 hóa đơn do Công ty X của A1 xuất bán) có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 75.193.018.996 đồng xuất bán cho các doanh nghiệp của Nguyễn Văn Thế là Công ty T16 25 hóa đơn có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 35.846.635.265 đồng và Công ty T16 10 hóa đơn 22.579.946.709 đồng; xuất bán cho Công ty TNHH B1.VN 07 hóa đơn có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 1.783.610.000 đồng; Công ty TNHH Đ7 04 hóa đơn có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 12.678.763.000 đồng; Công ty Q1 08 hóa đơn có tổng giá trị hàng hóa trước thuế 2.066.619.600 đồng và Công ty TNHH I 01 hóa đơn có giá trị hàng hóa trước thuế là 237.444.422 đồng, qua đó hưởng tiền chênh lệch, thu lợi bất chính 375.965.095 đồng.

- Hiền trao đổi, đề xuất với Phạm Hà H2, Giám đốc Công ty cổ phần V2 xuất bán 37 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 319.780.000 đồng cho Công ty T16, qua đó hưởng tiền chênh lệch, thu lợi bất chính 1.598.900 đồng.

- H1 liên hệ với Lê Thị O, Phó Giám đốc Công ty TNHH T17 xuất bán 101 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 2.452.796.491 đồng cho Công ty T16, qua đó hưởng tiền chênh lệch, thu lợi bất chính 12.263.982 đồng.

Như vậy, tổng số hóa đơn Lê Thị H1 đã mua bán trái phép là 270 hóa đơn; tổng số tiền H1 thu lợi bất chính là 389.827.977 đồng.

3. Hành vi bán trái phép hóa đơn của Phạm Hà H2

Phạm Hà H2 là Giám đốc Công ty cổ phần V2 có mã số doanh nghiệp 2802375335 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh T vào năm 2016; Địa chỉ tại số D, ngõ B, đường L, tiểu khu F, phường H, thị xã N; Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ ăn uống.

Năm 2022, H2 được Lê Thị H1 trao đổi về việc bán trái phép hóa đơn cho Công ty TNHH T16, H2 đồng ý và đã xuất bán cho Công ty này 37 hóa đơn có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 319.780.000 đồng với tiền phí bằng 5% giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn, qua đó thu lợi bất chính số tiền 15.989.000 đồng.

4. Hành vi bán trái phép hóa đơn của Lê Thị O

Lê Thị O là Phó Giám đốc Công ty TNHH T17, có mã số doanh nghiệp 2802791303 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh T vào năm 2019; Địa chỉ tại tiểu khu E, phường H, thị xã N; Ngành nghề kinh doanh chính: Phân phối hàng hóa tiêu dùng. Quá trình hoạt động kinh doanh, O được chồng là Nguyễn Tuấn A3, đồng thời là Giám đốc Công ty ủy quyền cho O trực tiếp phụ

trách các nội dung liên quan đến lĩnh vực kế toán, kê khai, báo cáo thuế cho Công ty.

Vào đầu năm 2022, O thuê Lê Thị H1 làm kế toán thuế cho Công ty của mình, H1 làm việc cho O được khoảng hai tuần thì nghỉ việc. Sau khi, nghỉ việc, H1 có liên hệ với O hỏi mua hóa đơn khống cho Công ty TNHH T16, O đồng ý và xuất bán 101 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 2.452.796.491 đồng với tiền phí bán hóa đơn là 0,9% giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn *(việc này O khai không báo cho Nguyễn Tuấn A3 là giám đốc biết),* qua đó O thu lợi bất chính số tiền 22.075.168 đồng.

5. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Trùy C

Từ tháng 04/2021 đến tháng 12/2023, Nguyễn Trùy C đã thông qua mạng Internet liên hệ với một người sử dụng tài khoản Viber "Ngọc C3" (hiện chưa xác định được danh tính, địa chỉ) mua trái phép 141 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 117.802.048.822 đồng với mức phí là 0,8% giá trị hàng hóa trước thuế ghi trong hóa đơn sau đó bán lại cho Lê Thị A1 với mức phí là 1,5% giá trị hàng hóa trước thuế ghi trong hóa đơn để hưởng chênh lệch, thu lợi bất chính với số tiền 824.614.341 đồng. Lê Thị A1 chuyển khoản thanh toán tiền phí mua hóa đơn cho C từ tài khoản 5020117999 ngân hàng B2 của A1 đến tài khoản Ngân hàng S1 số 060116365068 của C hoặc chuyển đến tài khoản ngân hàng S1 số 060157251948 của vợ C là Nguyễn Thị Thảo N.

6. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Thị Thảo N

Từ tháng 01/2022 đến tháng 9/2023, Nguyễn Thị Thảo N đã tham gia giúp sức cho Nguyễn Trùy C thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn, cụ thể: Khi khách hàng gửi cho Nguyễn Trùy C thông tin số tài khoản ngân hàng cá nhân sử dụng để hợp thức hóa đơn thì C sẽ chuyển thông tin số tài khoản ngân hàng này cùng với thông tin số tiền cần hợp thức cho N chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng do C cung cấp. Sau khi tiền được chuyển đến tài khoản ngân hàng của Công ty bán hóa đơn thì Công ty này sẽ chuyển trả lại tiền về tài khoản 060157251948 ngân hàng S1 mang tên "NGUYEN THI THAO NGUYEN" hoặc số tài khoản 1020033223 ngân hàng V3 mang tên "NGUYEN THI THU THAO" (đây là tài khoản của N sử dụng). Với cách thức trên, N đã giúp sức cho C thực hiện hành vi mua bán trái phép 22 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 22.939.251.286 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính của C và N từ việc mua bán trái phép 22 hóa đơn nêu trên là 160.574.759 đồng.

II. HÀNH VI CỦA NHÓM BỊ CÁO MUA TRÁI PHÉP HÓA ĐƠN VÀ SỬ DỤNG HÓA ĐƠN BẤT HỢP PHÁP KÊ KHAI THUẾ, TRỐN THUẾ

Quá trình điều tra xác định một số đơn vị, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua đối tượng trung gian là Lê Thị H1 mua hóa đơn GTGT khống của Lê Thị A1, Phạm Hà H2 và Lê Thị O xuất bán để hợp thức hàng hóa đầu vào và sử dụng kê khai thuế nhằm mục đích trốn thuế, cụ thể như sau:

1. Công ty TNHH T16 và Công ty TNHH xây dựng Tân Kiến Việt

Công ty TNHH tư vấn thiết kế ĐTXD và thương mại Tân Trường Sinh có địa chỉ tại thôn X, xã A, thị xã N, Thanh Hóa và Công ty TNHH T16 có địa chỉ tại Tổ dân phố số B, phường N, thị xã V, Bắc Giang đều do Nguyễn Văn T4 *(sinh năm 1987, trú tại thôn X, xã A, thị xã N)* làm Giám đốc (mọi hoạt động trong công ty do Nguyễn Văn T4 quyết định).

Trong các năm 2021, 2022, 2023, Nguyễn Văn T4 đã giao cho Lê Thị H1, Kế toán của cả 02 Công ty trên tìm mua hóa đơn để hợp thức hóa đầu vào cho nhân công thời vụ mà T4 đã thuê nhưng không xuất được hóa đơn. H1 đã liên hệ mua 173 hóa đơn GTGT có tổng giá trị trước thuế ghi trên hóa đơn là 61.199.158.465 đồng, gồm: Mua của Lê Thị A1 mua 35 hóa đơn GTGT có tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 58.426.581.974 đồng; mua của Phạm Hà H2, giám đốc Công ty cổ phần V2 37 hóa đơn có tổng số tiền 319.780.000 đồng và mua của Lê Thị O, Phó Giám đốc Công ty TNHH T17 101 hóa đơn có tổng số tiền 2.452.796.491 đồng xuất cho 02 Công ty của T4 để hợp thức hóa đầu vào và kê khai thuế.

Sau khi mua 173 hóa đơn trên, Lê Thị H1 đã sử dụng 163 hóa đơn kê khai đầu vào của Công ty TNHH T16 tại Chi cục Thuế thị xã N (nay thuộc Chi cục thuế khu vực X1) và sử dụng 10 hóa đơn còn lại kê khai đầu vào của Công ty TNHH T16 tại Chi cục Thuế khu vực V4 - H, Bắc Giang (nay thuộc Chi cục thuế khu vực V5).

Tại kết luận trưng cầu giám định ngày 20/12/2024, Cục thuế tỉnh T kết luận:

- Từ năm 2021 đến năm 2023, Công ty TNHH T16 đã vi phạm khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ T18; Công ty TNHH T16 có hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019, số thuế GTGT trốn 3.546.746.446 đồng;

- Trong năm 2023 Công ty TNHH T16 đã vi phạm khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ T18; Công ty TNHH T16 có hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019, số thuế GTGT trốn 1.806.395.737 đồng.

Tổng số tiền 02 Công ty của Nguyễn Văn T4 trốn thuế là 5.353.142.183 đồng. Quá trình điều tra xác định, Lê Thị H1 đã tham gia trực tiếp và giúp cho các Công ty của T4 mua trái phép 173 hóa đơn giá trị gia tăng, sử dụng kê khai thuế, trốn thuế với số tiền như đã nêu trên.

2. Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Sỹ Nguyện

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Sỹ Nguyện có địa chỉ tại thôn X, xã A, thị xã N do Bùi Sỹ N2 *(sinh năm 1984, trú tại thôn X, xã A, thị xã N)* làm Giám đốc (mọi hoạt động trong công ty do Bùi Sỹ N2 quyết định).

Trong năm 2023, Bùi Sỹ N2 đã giao cho Lê Thị H1 là kế toán của Công ty tìm mua hóa đơn để hợp thức hóa đầu vào cho nhân công mà N2 đã thuê không xuất được hóa đơn. H1 đã liên hệ với Lê Thị A1 mua 04 số hóa đơn GTGT có

tổng giá trị trước thuế là 12.678.763.000 đồng để kê khai thuế.

Sau khi mua 04 hóa đơn nêu trên, Lê Thị H1 đã sử dụng số hóa đơn này kê khai đầu vào của Công ty TNHH Đ7 tại Chi cục Thuế thị xã N (nay thuộc Chi cục thuế khu vực X1)

Tại kết luận trưng cầu giám định ngày 20/12/2024, Cục thuế tỉnh T kết luận: *"Trong năm 2023, Công ty TNHH Đ7 đã vi phạm khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ T18; Công ty TNHH Đ7 có hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019, số thuế GTGT trốn 1.267.876.300 đồng."*

Quá trình điều tra xác định, Lê Thị H1 đã tham gia trực tiếp và giúp cho Công ty của Lê Sỹ N4 mua trái phép 04 hóa đơn giá trị gia tăng và sử dụng số hóa đơn này kê khai thuế, trốn thuế với số tiền 1.267.876.300 đồng.

3. Công ty TNHH B1.VN

Công ty TNHH B1.VN có địa chỉ tại tổ dân phố K, phường M, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa do Nguyễn Ngọc H6 *(sinh năm 1972, trú tại tổ dân phố K, phường M, thị xã N)* làm Giám đốc (mọi hoạt động trong công ty do Nguyễn Ngọc H6 quyết định).

Vào đầu năm 2021, Nguyễn Ngọc H6 giao cho Lê Thị H1 là kế toán của Công ty tìm mua hóa đơn để hợp thức hóa đầu vào cho hàng hóa là đồ bảo hộ lao động mà người bán không xuất được hóa đơn. H1 đã liên hệ với Lê Thị A1 mua 07 số hóa đơn GTGT có tổng giá trị trước thuế là 1.783.610.000 đồng để kê khai thuế.

Sau khi mua 07 hóa đơn trên, H1 sử dụng các hóa đơn này để kê khai đầu vào của Công ty TNHH B1.VN tại Chi cục Thuế thị xã N (nay thuộc Chi cục thuế khu vực X1).

Tại kết luận trưng cầu giám định ngày 20/12/2024, Cục thuế tỉnh T kết luận: *"Công ty TNHH B1.VN đã vi phạm khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ T18; Công ty TNHH B1.VN có hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019, số thuế GTGT trốn 160.874.000 đồng."*

Quá trình điều tra xác định Lê Thị H1 đã tham gia trực tiếp và giúp cho Công ty của Nguyễn Ngọc H6 mua trái phép 07 hóa đơn giá trị gia tăng và sử dụng số hóa đơn này kê khai thuế, trốn thuế với số tiền 160.874.000 đồng.

4. Công ty cổ phần H9, Công ty TNHH Đ6 và Hợp tác xã K2

Nguyễn Văn H3 *(sinh năm 1964 trú tại thôn H, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa)* là giám đốc Công ty cổ phần H9 có địa chỉ tại nhà riêng của H3 ở thôn H, xã T, thị xã N. Ngoài ra, H3 còn trực tiếp quản lý, điều hành Công ty TNHH Đ6 có địa chỉ tại thôn H, xã T, thị xã N do Mai Thị T12 *(con dâu của H3)* đứng tên làm Giám đốc và Hợp tác xã K2 có địa chỉ tại thôn H, xã T, thị xã N do bạn của H3 là ông Nguyễn Sỹ N5 *(sinh năm 1964, trú tại thôn H, xã T, thị xã N)* làm giám

đốc. (thành viên góp vốn của các công ty trên chỉ đứng tên, còn mọi hoạt động trong công ty do Nguyễn Văn H3 quyết định).

Trong các năm 2022, 2023, Nguyễn Văn H3 đã giao cho Kế toán nội bộ của Công ty là Trần Thị H4 *(sinh năm 1993, trú tại tiểu khu C, phường H, thị xã N)* tìm mua hóa đơn để hợp thức các chi phí không có hóa đơn đầu vào cho các doanh nghiệp trên của H3. H4 đã liên hệ với Lê Thị A1 mua 76 hóa đơn GTGT xuất bán cho các doanh nghiệp của H3 có tổng giá trị trước thuế ghi trên hóa đơn là 27.713.321.804 đồng. Trong đó, xuất cho Công ty cổ phần H9 50 hóa đơn có tổng giá trị hàng hoá trước thuế là 19.040.321.804 đồng; xuất cho Công ty TNHH Đ6 09 hóa đơn có tổng giá trị hàng hoá trước thuế là 3.152.000.000 đồng và xuất cho Hợp tác xã K2 17 hoá đơn có tổng giá trị hàng hoá trước thuế là 5.521.000.000 đồng.

Sau khi mua được hóa đơn H4 đã đưa toàn bộ số hóa đơn này cho Lê Thị B *(sinh năm 1982, trú tại Tiểu khu D, phường H, thị xã N)* là Kế toán thuế của 03 doanh nghiệp trên sử dụng để kê khai đầu vào cho các doanh nghiệp. B đã sử dụng 45/50 hóa đơn xuất cho Công ty cổ phần H9, 09 hóa đơn xuất cho Công ty TNHH Đ6 và 17 hóa đơn xuất cho Hợp tác xã K2 để kê khai thuế GTGT đầu vào của các doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thị xã N (nay thuộc Chi cục thuế khu vực X1).

Tại Kết luận giám định ngày 20/12/2024, Cục thuế tỉnh T kết luận:

- *"Trong năm 2022 và năm 2023 Công ty cổ phần H9 đã vi phạm khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ T18; Công ty cổ phần H9 có hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019, số thuế GTGT trốn 1.458.409.447 đồng."*

- "*Trong năm 2022, Công ty TNHH Đ6 đã vi phạm khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ T18; Công ty TNHH Đ6 có hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019, số thuế GTGT trốn 252.160.000 đồng. Ngày 28/8/2024 Công ty đã nộp số thuế GTGT 252.160.000 đồng vào Ngân sách nhà nước."*

- "*Trong năm 2022, Hợp tác xã K2 có hành vi trốn thuế theo quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019, số thuế GTGT trốn 441.680.000 đồng."*

Như vậy, trong các năm 2022 và 2023, Nguyễn Văn H3 với sự tham gia giúp sức của Trần Thị H4 đã mua trái phép 76 hóa đơn giá trị gia tăng để hợp thức các chi phí đầu vào của doanh nghiệp, sau đó sử dụng 71/76 hóa đơn này kê khai thuế, qua đó trốn thuế với tổng số tiền 2.152.249.447 đồng.

Quá trình điều tra, các doanh nghiệp của Nguyễn Văn H3 đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền trốn thuế nêu trên.

Cũng trong quá trình điều tra xác định, khi sử dụng các hóa đơn trên kê khai thuế, Lê Thị B không biết đây là hóa đơn khống nên không có căn cứ để xử lý đối với B.

Ngoài các doanh nghiệp và cá nhân mua và sử dụng hóa đơn khống để kê khai thuế, trốn thuế nêu trên, quá trình điều tra xác định còn có Công ty TNHH Q1 có địa chỉ tại A Đ, tiểu khu E, phường H, thị xã N do Cao Xuân T13 *(sinh năm 1980, trú tại tổ dân phố T, phường H, thị xã N)* làm Giám đốc. Trong năm 2022, T13 đã giao cho Lê Thị H1, Kế toán của Công ty G1 mua của Lê Thị A1 08 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hoá trước thuế là 2.066.619.600 đồng để hợp thức hóa đầu vào và sử dụng kê khai thuế cho Công ty tại Chi cục Thuế thị xã N (nay thuộc Chi cục thuế khu vực X1).

Tại kết luận giám định ngày 20/12/2024, Cục thuế tỉnh T xác định Công ty TNHH Q1 trốn thuế GTGT với số tiền 47.868.000 đồng.

Do số lượng hóa đơn mua trái phép của Công ty TNHH Q1 dưới 10 số và số tiền Công ty trốn thuế dưới 100 triệu nên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra đã chuyển tài liệu có liên quan đến Chi cục T (nay thuộc Chi cục thuế khu vực X1) đề nghị xử phạt hành chính theo quy định.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định có 13 công ty, hộ kinh doanh khác có hành vi mua trái phép hóa đơn của Lê Thị A1 *(Có danh sách kèm theo)*. Tuy nhiên, hầu hết các đơn vị mua hóa đơn với giá trị hàng hóa sau thuế dưới 20.000.00 đồng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, chủ yếu là dịch vụ ăn uống và phòng nghỉ; có một số hóa đơn các đơn vị khai mua hàng hóa trên mạng và được nhận được hóa đơn kèm theo hàng hóa, các đơn vị khai không biết đây là hóa đơn khống do các Công ty của A1 xuất bán. Vì vậy, không có căn cứ để xử lý đối với các đơn vị này.

Đối người nam giới có sử dụng tài khoản Viber "Ngọc Chánh" mà Lê Trùy C4 khai đã bán trái phép hóa đơn cho C4, quá trình điều tra xác định các hóa đơn GTGT mà đối tượng này sử dụng để bán cho C4 được xuất từ 06 công ty có địa chỉ tại huyện B, thành phố Hồ Chí Minh, gồm: Công ty TNHH T19; Công ty TNHH L3; Công ty TNHH T20; Công ty TNHH T21; Công ty TNHH T22 và Công ty TNHH T23. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh xác định các công ty này đều không hoạt động tại địa điểm đăng ký kinh doanh và người đại diện pháp luật của các công ty này đều khai không biết bản thân họ là người đại diện pháp luật của các công ty đó. Đồng thời, Cơ quan điều tra cũng chưa xác minh, làm rõ được danh tính, địa chỉ của người bán trái phép hóa đơn cho C4. Về nội dung này, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Đối với người mà Lê Thị A1 đã liên hệ mua 57 hóa đơn GTGT thông qua mạng xã hội, quá trình điều tra xác định các hóa đơn GTGT mà đối tượng này bán cho A1 được xuất từ 03 công ty: Công ty TNHH T24 có địa chỉ tại phường P, Thành phố H; Công ty TNHH H10 và Công ty TNHH H11 - Chi nhánh thành phố H có địa chỉ tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh xác định các công ty này đều không hoạt động tại địa điểm đăng ký kinh doanh và người đại diện pháp luật của các công ty này đều khai không biết bản thân họ là người đại diện pháp luật của các công ty đó. Đồng thời, Cơ quan điều tra cũng chưa xác minh, làm rõ được danh tính, địa chỉ của người bán trái phép

hóa đơn cho A1. Về nội dung này, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Mở rộng điều tra, Cơ quan điều ra còn xác định có một số Công ty, doanh nghiệp khác ở ngoài địa bàn tỉnh Thanh Hóa có sử dụng hóa đơn của các Công ty đã xuất bán hóa đơn cho Nguyễn Trùy C thông qua người nam giới sử dụng tài khoản Viber "N" và các Công ty xuất bán cho Lê Thị A1 thông qua người chưa xác định được danh tính địa chỉ mà A1 liên hệ trên mạng xã hội, Cơ quan điều tra đã có công văn chuyển đến Cục Thuế nơi các Công ty này kê khai thuế để làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

*** Về thu giữ vật chứng của vụ án:** Quá trình điều tra, bị cáo và những người có liên quan tự giác giao nộp, Cơ quan điều tra đã thu giữ

1. Đối với Lê Thị A1

- 01 (một) diện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số máy:MQAD2ZD/A, số sẽ ri: G6TVVLINJCLJ, số IMEI: 353048091686503 đượclắp sim số 0923974775 màn hình điện thoại bị vỡ, bong chóc, mặt kính sau bịvỡ, đã qua sử dụng;

-01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng,số máy: MWLU2VN/A, số sẽ ri: C7CZR345N736, số IMEI: 356570103171510được lắp sim số 0339079588 đã qua sử dụng, màn hình điện thoại bị vỡ;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu tím, số máy: MU7A3VN/A, số sẽ ri: H902R6KNIF. SỐ IMEI: 354449441376887 được lắp sim số 0878169998 đã qua sử dụng,

2. Đối với Lê Thị H1

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, tên kiểu máy: 15 ProMax, số máy: MU683LL/A số sê-ri: CF34QK9Q61, số IMEI:351465641367321, IMEI2: 351465641329099 không lắp sim điện thoại vật lý, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

3. Đối với Lê Thị O

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 Pro Max, số seri:FNOWFDJY2W, số IMEI: 357177504216206, IMEI2: 357177503608759 gắnsim số diện thoại số thuê bao: 0911.042.999, điện thoại cũ đã qua sử dụng

- 01 (một) Case máy tình nhãn hiệu Xtech, màu đen trên bề mặt dán tem ghi dòng Core i3, gắn 01 ổ cứng (Kèm theo dây cáp kết nối nguồn điện), đã qua sử dụng.

- 01 (một) Màn hình máy tính màu đen nhãn hiệu Samsung, mã sản phẩm LX24F350FHEXXV (kèm theo dây cáp kết nối giữa Case với màn hình và dây cáp kết nối nguồn điện của màn hình) đã qua sử dụng.

- 01 (một) Bàn phím máy tính nhãn hiệu Fuhlen, màu đen đã qua sử dụng.

- 01 (một) chuột máy tính nhãn hiệu Fuhlen, màu đen đã qua sử dụng.

4. Đối với Trần Thị H4

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xs, màu gold, số máy:MTAJ2LL/A. só se zri: GONZX0Q4KPFR, số IMEI: 353147100715509, sóIMEI2: 353147100553470, gắn sim thuê bao 0932.314.382 điện thoại đã qua sửdụng.

5. Đối với Nguyễn Văn T4

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, kiểu máy: Iphone 13 ProMax, màu trắng, số máy: MLLC3VN/A, số sẽ ri: J2V5K6M4XX, số IMEI:351339410202003, số IMEI2: 351339410461922 được lắp 01 số thuê bao:0335.735.863, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng

6. Đối với Nguyễn Văn H3

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max, màu gold, sốmáy: MQ9W3VN/A, số sẽ ri: DOMWKODCXH, số IMEI: 355597826650356,số IMEI2: 355597827059797 được lắp 01 số thuê bao: 0961.934.305 đã qua sửdụng.

- 01 (một) Case máy tính nhãn hiệu CENCO, màu đen có dây nối kèm theo, đã qua sử dụng.

- 01 (một) Màn hình máy tính màu đen nhãn hiệu Huntkey LED monitor, Model: N2405WH/I đã qua sử dụng, có dây nối kèm theo.

- 01 (một) Bàn phím máy tính và chuột máy tính có dây nối kèm theo, đã qua sử dụng.

7. Đối với Nguyễn Thị Thảo N

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu trắng, tên kiểu máy:Iphone 15 Pro, số máy: MTUW3VN/A. số sẽ ri: MO771D93QM, số IMEI:353554804892643, số IMEI2: 353554804345667 đã qua sử dụng.

8. Đối với Phạm Hà H2

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max, màu vàng,số máy: MGD93VNA, số sẽ ri: GONFG7NA0D51, số IMEI:354692271603603, số IMEI2: 354692271776102 được lắp sim điện thoại trênsim có dãy số 8401180912266797 đã qua sử dụng

9. Đối với Nguyễn Ngọc H6

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11, màu đen, số IMEI 1:353204306863326, số IMEI2: 35320-4306135311 điện thoại cũ đã qua sử dụng

Hiện các vật chứng trên đang được bảo quản, chờ xử lý theo quy định.

*** Về biện pháp tư pháp:**

- Trong giai đoạn điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử, Trần Thị H4 đã tác động Nguyễn Văn H3 tự nguyện nộp toàn bộ số tiền trốn thuế 2.152.249.447 đồng để khắc phục hậu quả tội phạm; Bùi Sỹ N2, Nguyễn Ngọc H6, Nguyễn Văn

T4 cũng tự nguyện nộp phần lớn số tiền trốn thuế để khắc phục hậu quả: Bùi Sỹ N2 800.000.000 đồng, Nguyễn Ngọc H6 100.000.000 đồng, Nguyễn Văn Thế L1 2.700.000.000 đồng.

Phạm Hà H2, Lê Thị O đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, mỗi người 50.000.000 đồng; Lê Thị A1, Nguyễn Trùy C, Nguyễn Thị Thảo N, Lê Thị H1 cũng đã tự nguyện nộp phần lớn số tiền thu lợi bất chính, cụ thể: An nộp 230.000.000 đồng, C được tính nộp 420.000.000 đồng; Thảo N được tính nộp 110.000.000 đồng; Lê Thị H1 230.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền này hiện đang được quản lý tại Phòng G2 - Kho bạc nhà nước khu vực X và Cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn chờ xử lý theo quy định.

Tại Bản Cáo trạng số 62/CT-VKSNS ngày 31/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn truy tố các bị cáo

- Lê Thị Hiền về tội trốn thuế và tội mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 200 và điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự;

- Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn H3, Trần Thị H4 về tội trốn thuế và tội mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 200 và diểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự;

- Bùi Sỹ N2 về tội trốn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự;

- Lê Thị A1, Nguyễn Trùy C về tội mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự;

- Phạm Hà H2, Lê Thị O về tội mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự;

- Nguyễn Thị Thảo N về tội mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự;

- Nguyễn Ngọc H6 về tội trốn thuế theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: *Áp dụng:*

** Khoản 3 Điều 200, điểm d, đ khoản 2, 3 Điều 203, Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 2 Điều 54, Điều 55 BLHS.*

- Xử phạt: Lê Thị H1

+ Tội trốn thuế từ 18 tháng đến 21 tháng tù

+ Tội mua bán trái phép hóa đơn từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt: 33 tháng đến 39 tháng tù.

- Phạt bổ sung 50.000.000 đồng.

** Khoản 3, 4 Điều 200, điểm d khoản 2 Điều 203, Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 55 BLHS.*

- Xử phạt: Nguyễn Văn T4

+ Tội trốn thuế từ 18 tháng đến 21 tháng tù

+ Tội mua bán trái phép hóa đơn từ 13 tháng đến 16 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt: 31 tháng đến 37 tháng tù.

- Phạt bổ sung 100.000.000 đồng.

** Khoản 3, 4 Điều 200, điểm d khoản 2 Điều 203, Điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 55 BLHS.*

- Xử phạt: Nguyễn Văn H3

+ Tội trốn thuế từ 15 tháng đến 18 tháng tù

+ Tội mua bán trái phép hóa đơn từ 07 tháng đến 10 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt: 22 tháng đến 28 tháng tù.

- Phạt bổ sung 100.000.000 đồng.

** Khoản 3 Điều 200, điểm d khoản 2 Điều 203, Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 2 Điều 54, Điều 55 BLHS.*

- Xử phạt: Trần Thị H4

+ Tội trốn thuế từ 12 tháng đến 15 tháng tù

+ Tội mua bán trái phép hóa đơn từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt: 24 tháng đến 30 tháng tù.

** Điểm d, đ khoản 2, 3 Điều 203, Điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS.*

- Xử phạt Lê Thị A1 27 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng đến 60 tháng.

- Phạt bổ sung 50.000.000 đồng.

** Điểm d, đ khoản 2,3 Điều 203, Điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS.*

- Xử phạt Nguyễn Trùy C 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng đến 36 tháng.

- Phạt bổ sung 50.000.000 đồng.

** khoản 3, 4 Điều 200; Điểm b,s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 BLHS.*

- Xử phạt Bùi Sỹ N2 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách24 tháng đến 30 tháng.

- Phạt bổ sung 100.000.000 đồng.

** Điểm d khoản 2 Điều 203, Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 35 BLHS.*

- Xử phạt Phạm Hà H2 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

** Điểm d khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 35 BLHS.*

- Xử phạt Lê Thị O từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng.

** Điểm đ khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 35 BLHS.*

- Xử phạt Nguyễn Thị Thảo N từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

** Điểm d khoản 1 Điều 200, Điểm b,i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 35 BLHS.*

- Xử phạt Nguyễn Ngọc H6 từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

*** Về xử lý vật chứng**: *Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:* Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 11 chiếc điện thoại di động; 01 (một) Case máy tính nhãn hiệu Xtech, màu đen trên bề mặt dán temghi dòng Core I3, gắn 01 ổ cứng (kèm theo dây cáp kết nối nguồn điện); 01(một) Màn hình máy tính màu đen, nhãn hiệu S2, mã sản phẩmLX24F350FHEXXV (kèm theo dây cáp kết nối giữa Case với màn hình và dâycáp kết nối nguồn điện của màn hình), đã qua sử dụng; 01 (một) Bàn phím máy tính nhãn hiệu Fuhlen, màu đen, đã qua sử dụng; (01) Chuột máy tính nhãn hiệuFuhlen, màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) màn hình máy tính màu đen nhãn hiệu Huntkey LED monitor Model: N2405 WH/I; Seri No: 2N2405 WH/I31.300071 màn hình đã qua sử dụng, có dây kết nối kèm theo; 01 (một) Case máy tính màu đen nhãn hiệu "CENCO", màu đen, đã qua sử dụng, có dây kết nối kèm theo; 01 (một) bàn phím và chuột máy tính có dây nhãn hiệu Fuhlen màu đen đã qua sử dụng, là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để liên lạc, thiết lập hóa đơn GTGT khống để mua bán và trốn thuế.

*** Về trách nhiệm dân sự:** *Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584, 589 BLDS. Đề nghị buộc:*

- Nguyễn Văn H3 phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực X số tiền trốn thuế của Công ty Cổ phần H9 là: 1.458.409.447 đồng; Công ty TNHH Đ6 là: 252.160.000 đồng; Hợp tác xã K2 là: 441.680.000 đồng. (Hiện Nguyễn Văn H3 đã nộp đủ số tiền trên cho Chi cục thuế khu vực thị xã N (nay thuộc Chi cục thuế khu vực X1)).

- Nguyễn Văn T4 phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực X số tiền trốn thuế của Công ty TNHH T16 là: 3.546.746.446 đồng; nộp lại cho Chi cục thuế khu vực V5 số tiền trốn thuế của Công ty TNHH T16 là 1.806.395.737 đồng (Hiện Nguyễn Văn T4 đã nộp khắc phục 2.700.000.000 đồng)

- Bùi Sỹ N2, phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực X số tiền trốn thuế của Công ty TNHH Đ7 là 1.267.876.300 đồng (Hiện Bùi Sỹ N2 đã nộp khắc phục

800.000.000 đồng).

- Nguyễn Ngọc H6, phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực X số tiền trốn thuế của Công ty TNHH B1.VN là 160.874.000 đồng (Hiện Nguyễn Ngọc H6 đã nộp khắc phục 100.000.000 đồng).

*** Về biện pháp tư pháp:** *Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 BLTTHS. Đề nghị buộc:*

Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc mua bán hóa đơn trái phép.

- Đối với Lê Thị A1: thu lợi bất chính 392.250.824 đồng (Trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử A1 đã giao nộp 230.000.000đ).

- Đối với Lê Thị H1: thu lợi bất chính 389.827.977 đồng (Trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử H1 đã giao nộp 230.000.000đ).

- Đối với Nguyễn Trùy C: thu lợi bất chính là 824.614.342 đồng, (trong đó Nguyễn Thị Thảo N giúp sức cùng với C thu lời bất chính 160.574.749 đồng). Trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử Trí được tính đã giao nộp 420.000.000đ.

- Đối với Nguyễn Thị Thảo N: cùng với C thu lời bất chính 160.574.749 đồng. (Trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử N được tính đã giao nộp 110.000.000đ).

- Đối với Lê Thị O: thu lời bất chính 22.075.168 đồng. (Trong quá trình điều tra, O đã giao nộp 50.000.000đ).

- Đối với Phạm Hà H2: thu lời bất chính 15.989.000 đồng (Trong quá trình điều tra, H2 đã giao nộp 50.000.000đ.

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo nhận thấy việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thị xã N, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, Điều tra viên, Kiểm sát viên VKSND thị xã Nghi Sơn trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị cáo Nguyễn Văn H3 trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì cho rằng bị cáo bị khởi tố, điều tra, truy tố về tội trốn thuế và

tội mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 200 và diểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự là không đúng với hành vi của bị cáo. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến khiếu nại gì. Xét thấy, quá trình điều tra, truy tố, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện việc truy tố, điều tra có căn cứ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

Trước khi mở phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H3 có đơn từ chối luật sư bào chữa.

[2] Kết quả điều tra, xét hỏi tại phiên tòa xác định

Xuất phát từ động cơ vụ lợi nên trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2024, lợi dụng sự sơ hở trong công tác quản lý hóa đơn điện tử của các cơ quan chức năng và nhu cầu mua hóa đơn của các doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn, Lê Thị A1 và Lê Thị H1 đã sử dụng giấy tờ tùy thân của A1 và của người khác thành lập 03 Công ty nhằm mục đích xuất bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng cho các đơn vị, cá nhân có nhu cầu để thu lợi bất chính. Ngoài ra, A1 và H1 còn làm trung gian liên hệ mua hóa đơn của một số doanh nghiệp trên địa bàn và các cá nhân khác để kê khai đầu vào cho công ty N6 dấu hoạt động xuất bán hóa đơn trái phép và bán lại cho các doanh nghiệp trên địa bàn có nhu cầu mua hóa đơn để hợp thức hàng hóa, dịch vụ đầu vào và kê khai thuế, nhằm trốn thuế.

Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án cụ thể như sau:

(1) Lê Thị A1: trong khoảng thời gian từ năm 2021 đến năm 2023, A1 đã có hành vi thành lập 03 Công ty "Ma" và sử dụng các Công ty này xuất bán trái phép 128 hóa đơn GTGT cho 22 doanh nghiệp, cá nhân với tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn là 38.018.464.811 đồng và mua trái phép 145 hóa đơn GTGT với tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn là 44.642.985.086 đồng để kê khai đầu vào cho các công ty nhằm che dấu hoạt động xuất bán trái phép hóa đơn. Ngoài ra, A1 còn mua của Nguyễn Trùy C 53 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hóa trước thuế ghi trên hóa đơn là 73.873.594.574 đồng bán lại cho Lê Thị H1 để hưởng chênh lệch. Tổng số hóa đơn Lê Thị A1 mua bán trái phép được xác định là 326 hóa đơn; tổng số tiền A1 thu lợi bất chính từ hoạt động mua bán hóa đơn là 392.250.824 đồng.

(2) Lê Thị H1: trong khoảng thời gian từ năm 2021 năm 2023, H1 có hành vi giúp sức cho Lê Thị A1 thành lập Công ty TNHH X và sử dụng công ty này xuất bán trái phép 79 hóa đơn GTGT cho các doanh nghiệp và cá nhân có nhu cầu. Ngoài ra, H1 còn làm trung gian mua trái phép của Lê Thị A1 và 02 công ty khác trên địa bàn 191 hóa đơn GTGT với tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 76.646.171.065 xuất bán cho các 06 Công ty mà H1 làm kế toán để các Công ty này kê khai đầu vào, trốn thuế với tổng 6.791.892.483 đồng. Tổng số hóa đơn Lê Thị H1 đã mua bán trái phép là 270 hóa đơn; tổng số tiền H1 thu lợi bất chính từ hoạt động mua bán trái phép hóa đơn là 389.827.977 đồng.

(3) Nguyễn Trùy C, trong khoảng thời gian từ năm 2021 năm 2023, C đã

mua bán trái phép 141 hóa đơn GTGT với tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 117.802.048.822 đồng, bán lại cho Lê Thị A1 để hưởng tiền chênh lệch. Tổng số tiền C thu lợi bất chính là 824.614.342 đồng.

(4) Nguyễn Thị Thảo N, trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến năm 2023, N đã tham gia giúp sức cho Nguyễn Trùy C bán trái phép 22 hóa đơn GTGT với tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 22.939.251.286 đồng, qua đó cùng với C thu lời bất chính 160.574.749 đồng.

(5) Lê Thị O, Phó Giám đốc Công ty TNHH T17 thông qua Lê Thị H1 xuất bán trái phép cho Công ty TNHH T16 101 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 2.452.796.491 đồng đồng, qua đó thu lời bất chính 22.075.168 đồng.

(6) Phạm Hà H2, Giám đốc Công ty cổ phần V2 thông qua Lê Thị H1 xuất bán trái phép cho Công ty TNHH T16 37 hóa đơn GTGT có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 319.780.000 đồng, qua đó thu lợi bất chính 15.989.000 đồng.

(7) Nguyễn Văn T4, Giám đốc Công ty TNHH T16 và Công ty TNHH T16 thông qua Lê Thị H1 mua trái phép 173 hóa đơn GTGT với tổng giá trị hàng hoá trước thuế là 61.199.158.465 đồng. Sau đó sử dụng số hóa đơn kê khai đầu vào của 02 Công ty trên, qua đó trốn thuế GTGT với tổng số tiền 5.353.142.183 đồng (trong đó Công ty T16 trốn thuế 3.546.746.446 đồng; Công ty T16 trốn thuế 1.806.395.737 đồng).

(8) Bùi Sỹ N2, Giám đốc Công ty TNHH Đ7 thông qua Lê Thị H1 mua trái phép 04 hóa đơn GTGT với tổng giá trị hàng hoá trước thuế là 12.678.763.000 đồng. Sau đó, sử dụng số hóa đơn này kê khai, trốn thuế với số tiền 1.267.876.300 đồng.

(9) Nguyễn Ngọc H6, Giám đốc Công ty TNHH B1.VN thông qua Lê Thị H1 mua trái phép 07 hóa đơn GTGT với tổng giá trị hàng hoá trước thuế là 1.783.610.000 đồng. Sau đó, sử dụng số hóa đơn này kê khai thuế, trốn thuế với số tiền 160.874.000 đồng.

(10) Nguyễn Văn H3, Giám đốc Công ty cổ phần H9 và là người trực tiếp quản lý, điều hành Công ty TNHH Đ6 và Hợp tác xã K2 thông qua Trần Thị H4, Kế toán của Công ty M2 trái phép 76 hóa đơn GTGT với tổng giá trị hàng hoá trước thuế là 27.713.321.804 đồng. Sau đó, sử dụng 71/76 hóa đơn này kê khai đầu vào của 03 doanh nghiệp trên, qua đó trốn thuế GTGT với số tiền 2.152.249.447 đồng (trong đó Công ty H9 trốn thuế 1.458.409.447 đồng; Công ty Đ6 trốn thuế 252.160.000 đồng; Hợp tác xã vận tải Kinh Gia trốn thuế 441.680.000 đồng*)*

(11) Trần Thị H4, Kế toán cho 3 doanh nghiệp của Nguyễn Văn H3 đã giúp sức cho H3 mua trái phép 76 hóa đơn GTGT với tổng giá trị hàng hoá trước thuế là 27.713.321.804 đồng để 3 doanh nghiệp này kê khai, trốn thuế với tổng số tiền 2.152.249.447 đồng (trong đó Công ty H9 trốn thuế 1.458.409.447 đồng; Công ty Đ6 trốn thuế 252.160.000 đồng; Hợp tác xã K2 trốn thuế 441.680.000 đồng).

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với kết luận giám định và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy, quyết định truy tố và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn là hoàn toàn có cơ sở. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

- Hành vi của Lê Thị H1 đủ yếu tố cấu thành tội trốn thuế và tội mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 200 và điểm d, đ khoản 2 Điều 203 BLHS.

- Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn H3, Trần Thị H4 về tội trốn thuế và tội mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 200 và diểm d khoản 2 Điều 203 BLHS.

- Bùi Sỹ N2 về tội trốn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 200 BLHS.

- Lê Thị A1, Nguyễn Trùy C về tội mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 BLHS.

- Phạm Hà H2, Lê Thị O về tội mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 BLHS.

- Nguyễn Thị Thảo N về tội mua bán trái phép hóa đơn theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 BLHS.

- Nguyễn Ngọc H6 về tội trốn thuế theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 BLHS.

[3] Tính chất vụ án

Các bị cáo vì động cơ mục đích tư lợi nên đã thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước với số lượng lớn nhằm thu lời bất chính, sử dụng hóa đơn chứng từ không hợp pháp trên để hạch toán hàng hóa nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm thể hiện sự coi thường pháp luật, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, tài chính; xâm phạm tới lợi ích của Nhà nước trong hoạt động thu thuế, nộp ngân sách cho Nhà nước, làm thất thu ngân sách Nhà nước Do đó cần phải xử lý nghiêm tương xứng với tính chất mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4] Về vai trò của các bị cáo

Đ5 là vụ án có đông bị cáo tham gia, trong đó:

- Lê Thị A1 và Lê Thị H1 đồng phạm với nhau về hành vi thành lập Công ty TNHH X xuất bán trái phép 79 hóa đơn GTGT khống cho các doanh nghiệp có nhu cầu. Trong đó Lê Thị An G vai trò cao hơn Lê Thị H1. Riêng Lê Thị A1 còn phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi lập 02 Công ty "Ma" xuất bán trái phép 247 hóa đơn GTGT khống.

- Lê Thị H1 đồng phạm với Lê Thị O và Phạm Hà H2 trong hành vi xuất bán trái phép 101 hóa đơn khống từ Công ty TNHH T17 của O và 37 hóa đơn

khống từ Công ty cổ phần V2 của H2; đồng phạm với Nguyễn Văn T4 về hành vi mua trái phép 173 hóa đơn khống để Công ty của T4 sử dụng kê khai đầu vào và trốn thuế; đồng phạm với Bùi Sỹ N2, Nguyễn Ngọc H6 về hành vi sử dụng hóa đơn khống để kê khai trốn thuế.

- Nguyễn Thị Thảo N đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Trùy C thực hiện hành vi bán trái phép 22 hóa đơn trong tổng số 141 hóa đơn Chí mua bán trái phép nên Thảo Nguyên giữ vai trò sau T14, số hóa đơn còn lại Chí chịu trách nhiệm độc lập

- Trần Thị H4 đồng phạm với Nguyễn Văn H3 về hành vi mua trái phép 76 hóa đơn GTGT khống để các Công ty của H3 kê khai đầu vào và trốn thuế, trong đó H4 là người làm công ăn lương, thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của cấp trên nên giữ vai trò sau H3.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

** Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

- Đối với các bị cáo phạm tội: "Mua bán trái phép hóa đơn". Do việc mua bán hóa đơn của các bị cáo mang tính liên tục, kế tiếp nên được xác định là tội phạm liên tục kéo dài, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên".

- Đối với Lê Thị H1 đã nhiều lần thực hiện hành vi giúp sức cho nhiều Công ty trốn thuế nên phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

** Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ *"*Người phạm tội thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS

- Nguyễn Văn H3, Trần Thị H4, Phạm Hà H2, Lê Thị O đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền trốn thuế và tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả của tội phạm. Nguyễn Trùy C, Nguyễn Thị Thảo N, Nguyễn Ngọc H6, Lê Thị A1, Bùi Sỹ N2, Lê Thị H1, Nguyễn Văn T4 tự nguyện khắc phục phần lớn số tiền trốn thuế và tiền thu lợi bất chính nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Nguyễn Văn H3 có thành tích xuất sắc, nhiều lần được Chủ tịch UBND tỉnh T tặng bằng khen nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Lê Thị A1 quá trình điều tra đã tích cực giúp đỡ các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, xử lý vụ án nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án" theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Nguyễn Ngọc H6: được hưởng tình tiết giảm nhẹ "phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

- Ngoài ra, Lê Thị H1, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn H3, Trần Thị H4, Lê Thị A1, Phạm Hà H2, Lê Thị O, Nguyễn Thị Thảo N tự nguyện ra đầu thú nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm cho các bị cáo 1 phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

** Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị trí vai trò, nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy:*

Đối với các bị cáo Lê Thị H1, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn H3, Trần Thị H4 do phạm nhiều tội nên cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có thể giáo dục cải tạo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, áp dụng Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội đối với 4 bị cáo (Thời gian các bị cáo bị tạm giữ tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt). Do 2 bị cáo Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn H3 có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS, xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

Lê Thị H1 giữ vai trò đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Văn T4, Bùi Sỹ N2, Nguyễn Ngọc H6 trong việc trốn thuế; Trần Thị H4 giữ vai trò đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Văn H3 trong việc trốn thuế và mua bán trái phép hóa đơn, tuy nhiên H1 và H4 chỉ là kế toán doanh nghiệp, là người làm công ăn lương, thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo của cấp trên, H1 không được hưởng lợi từ số tiền trốn thuế, H4 không được hưởng lợi từ tiền trốn thuế và mua bán trái phép hóa đơn; H1 là người đồng phạm giúp sức trong vụ án trốn thuế, H4 giúp sức cho H3 trong vụ trốn thuế và mua bán trái phép hóa đơn nhưng có vai trò không đáng kể. Do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS khi quyết định hình phạt đối với Lê Thị H1 về tội Trốn thuế, Trần Thị H4 về tội Trốn thuế và mua bán trái phép hóa đơn.

Bùi Sỹ N2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

Đối với bị cáo Lê Thị A1, Bùi Sỹ N2, Nguyễn Trùy C do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 BLHS, cho các bị cáo hưởng án treo, giáo dục cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe giáo dục. Áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Hà H2, Lê Thị O, Nguyễn Ngọc H6, Nguyễn Thị Thảo N là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng liên quan đến vụ án.

1. Đối với Lê Thị A1

- 01 (một) diện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số máy:MQAD2ZD/A, số sẽ ri: G6TVVLINJCLJ, số IMEI: 353048091686503 đượclắp sim số 0923974775 màn hình điện thoại bị vỡ, bong chóc, mặt kính sau bịvỡ, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng,số máy: MWLU2VN/A, số sẽ ri: C7CZR345N736, số IMEI: 356570103171510được lắp sim số 0339079588 đã qua sử dụng, màn hình điện thoại bị vỡ;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu tím, số máy: MU7A3VN/A, số sẽ ri: H902R6KNIF. SỐ IMEI: 354449441376887 được lắp sim số 0878169998 đã qua sử dụng,

2. Đối với Lê Thị H1

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, tên kiểu máy: 15 ProMax, số máy: MU683LL/A số sê-ri: CF34QK9Q61, số IMEI:351465641367321, IMEI2: 351465641329099 không lắp sim điện thoại vật lý, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

3. Đối với Lê Thị O

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 Pro Max, số seri:FNOWFDJY2W, số IMEI: 357177504216206, IMEI2: 357177503608759 gắnsim số diện thoại số thuê bao: 0911.042.999, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) Case máy tình nhãn hiệu Xtech, màu đen trên bề mặt dán tem ghi dòng Core i3, gắn 01 ổ cứng (Kèm theo dây cáp kết nối nguồn điện), đã qua sử dụng.

- 01 (một) Màn hình máy tính màu đen nhãn hiệu Samsung, mã sản phẩm LX24F350FHEXXV (kèm theo dây cáp kết nối giữa Case với màn hình và dây cáp kết nối nguồn điện của màn hình) đã qua sử dụng.

- 01 (một) Bàn phím máy tính nhãn hiệu Fuhlen, màu đen đã qua sử dụng.

- 01 (một) chuột máy tính nhãn hiệu Fuhlen, màu đen đã qua sử dụng.

4. Đối với Trần Thị H4

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xs, màu gold, số máy:MTAJ2LL/A. só se zri: GONZX0Q4KPFR, số IMEI: 353147100715509, sóIMEI2: 353147100553470, gắn sim thuê bao 0932.314.382 điện thoại đã qua sửdụng.

5. Đối với Nguyễn Văn T4

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, kiểu máy: Iphone 13 ProMax, màu trắng, số máy: MLLC3VN/A, số sẽ ri: J2V5K6M4XX, số IMEI:351339410202003, số IMEI2: 351339410461922 được lắp 01 số thuê bao:0335.735.863, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng

6. Đối với Nguyễn Văn H3

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max, màu gold, sốmáy: MQ9W3VN/A, số sẽ ri: DOMWKODCXH, số IMEI: 355597826650356,số IMEI2: 355597827059797 được lắp 01 số thuê bao: 0961.934.305 đã qua sửdụng.

- 01 (một) Case máy tính nhãn hiệu CENCO, màu đen có dây nối kèm theo, đã qua sử dụng.

- 01 (một) Màn hình máy tính màu đen nhãn hiệu Huntkey LED monitor, Model: N2405WH/I đã qua sử dụng, có dây nối kèm theo.

- 01 (một) Bàn phím máy tính và chuột máy tính có dây nối kèm theo, đã qua sử dụng.

7. Đối với Nguyễn Thị Thảo N

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu trắng, tên kiểu máy:Iphone 15 Pro, số máy: MTUW3VN/A. số sẽ ri: MO771D93QM, số IMEI:353554804892643, số IMEI2: 353554804345667 đã qua sử dụng.

8. Đối với Phạm Hà H2

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max, màu vàng,số máy: MGD93VNA, số sẽ ri: GONFG7NA0D51, số IMEI:354692271603603, số IMEI2: 354692271776102 được lắp sim điện thoại trênsim có dãy số 8401180912266797 đã qua sử dụng

9. Đối với Nguyễn Ngọc H6

- 01 (một) Diện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11, màu đen, số IMEI 1:353204306863326, số IMEI2: 35320-4306135311 điện thoại cũ đã qua sử dụng

Quá trình điều tra và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa xác định: số vật chứng trên các bị cáo sử dụng để liên lạc, thiết lập hóa đơn GTGT khống để mua bán và trốn thuế nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự

Các bị cáo Lê Thị H1, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn H3, Trần Thị H4, Bùi Sỹ N2, Nguyễn Ngọc H6 đã có hành vi trốn thuế, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Đối với số tiền trốn thuế trên Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn H3, Bùi Sỹ N2, Nguyễn Ngọc H6 sử dụng vào hoạt động của các công ty. Các công ty của T4, N2, H6 có hình thức hoạt động là Công ty TNHH một thành viên, trực tiếp do T4, N2, H6 quản lý và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty cổ phần H9 của Nguyễn Văn H3 có hình thức hoạt động là nhiều thành viên tham gia góp vốn, nhưng các thành viên đứng tên tham gia góp vốn vào công ty trên chỉ là được mượn tên để đứng hoặc là người thân trong gia đình. Mọi hoạt động của Công ty bao gồm cả việc liên hệ mua hóa đơn khống để trốn thuế GTGT đều do H3 điều hành toàn bộ. Các thành viên khác không được thông báo, không biết việc trốn thuế GTGT. Do đó không đủ căn cứ để xem xét trách nhiệm của pháp nhân trong vụ án này.

Do Lê Thị H1 và Trần Thị H4 không được hưởng lợi số tiền trốn thuế nên các bị cáo Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn H3, Bùi Sỹ N2, Nguyễn Ngọc H6 phải có trách nhiệm nộp lại số tiền trốn thuế cho Chi cục thuế khu vực thị xã N (nay là Chi cục thuế khu vực X1) (đơn vị quản lý số tiền nộp thuế của các công ty của T4, H3, N2, H6) và Chi cục thuế khu vực V4- H, Bắc Giang - nay là Chi cục thuế khu vực V5 (đơn vị quản lý số tiền nộp thuế của Công ty TNHH T16 của Nguyễn Văn T4).

Cụ thể:

- Nguyễn Văn H3 phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N (nay là Chi cục thuế khu vực X) số tiền trốn thuế của Công ty Cổ phần H9 là: 1.458.409.447 đồng; Công ty TNHH Đ6 là: 252.160.000 đồng; Hợp tác xã K2 là: 441.680.000 đồng. Hiện Nguyễn Văn H3 đã nộp đủ số tiền trên cho Chi cục thuế khu vực thị xã N (nay là Chi cục thuế khu vực X1).

- Nguyễn Văn T4 phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N (nay là Chi cục thuế khu vực X) số tiền trốn thuế của Công ty TNHH T16 là: 3.546.746.446 đồng; nộp lại cho Chi cục thuế khu vực V4 - H, Bắc Giang - nay là Chi cục thuế khu vực VI số tiền trốn thuế của Công ty TNHH T16 là 1.806.395.737 đồng. Hiện Nguyễn Văn T4 đã nộp khắc phục 2.700.000.000 đồng.

Trả lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N (nay là Chi cục thuế khu vực X1): 1.900.000.000 đồng- số tiền Nguyễn Văn T4 còn phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực X1 là: 1.646.746.446 đồng. Trả lại cho Chi cục thuế khu vực V4- H, Bắc Giang- nay là Chi cục thuế khu vực VI: 800.000.000 đồng- số tiền Nguyễn Văn T4 còn phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực VI là 1.006.395.737 đồng).

- Bùi Sỹ N2, phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N (nay là Chi cục thuế khu vực X) số tiền trốn thuế của Công ty TNHH Đ7 là 1.267.876.300 đồng. Hiện Bùi Sỹ N2 đã nộp khắc phục 800.000.000 đồng- Trả lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N (nay là Chi cục thuế khu vực X1) 800.000.000 đồng. Số tiền Bùi Sỹ N2 còn phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực X là 467. 876.300 đồng.

- Nguyễn Ngọc H6, phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N (nay là Chi cục thuế khu vực X) số tiền trốn thuế của Công ty TNHH B1.VN là 160.874.000 đồng. Hiện Nguyễn Ngọc H6 đã nộp khắc phục 100.000.000 đồng- Trả lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N (nay là Chi cục thuế khu vực X1) 100.000.000 đồng. Số tiền Nguyễn Ngọc H6 còn phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực X là 60.874.000 đồng.

[8] Về biện pháp tư pháp

Quá trình điều tra và kết quả thẩm vấn tại phiên tòa xác định, trong quá trình mua bán hóa đơn, các bị cáo Lê Thị A1, Nguyễn Trùy C, Nguyễn Thị Thảo N, Lê Thị O, Phạm Hà H2, Lê Thị H1 đã thu lợi bất chính. Do đó cần truy thu số tiền trên để sung công quỹ nhà nước.

- Đối với Lê Thị A1: thu lợi bất chính 392.250.824 đồng, trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử A1 đã giao nộp 230.000.000đ. A1 còn phải nộp lại số tiền 162.250.824 đồng.

- Đối với Lê Thị H1: thu lợi bất chính 389.827.977 đồng, trong quá trình điều tra, và giai đoạn chuẩn bị xét xử H1 đã giao nộp 230.000.000đ. H1 còn phải nộp lại số tiền 159.827.977 đồng.

- Đối với Nguyễn Trùy C: thu lợi bất chính là 824.614.342 đồng, (trong đó Nguyễn Thị Thảo N giúp sức cùng với C thu lời bất chính 160.574.749 đồng). Do đó Nguyễn Trùy C phải có trách nhiệm khắc phục số tiền 664.039.593 đồng, trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử Trí được tính đã giao nộp 420.000.000đ, T14 còn phải nộp lại số tiền 244.039.593 đồng.

- Đối với Nguyễn Thị Thảo N: cùng với C thu lời bất chính 160.574.749 đồng, trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử Nguyên được tính đã giao nộp 110.000.000đ. Nguyên còn phải nộp lại 50.574.749 đồng

- Đối với Lê Thị O: thu lời bất chính 22.075.168 đồng, trong quá trình điều tra, O đã giao nộp 50.000.000 đ, trả lại cho O 27.925.000 đồng (được tiếp tục quy trữ đế đảm bảo thi hành khoản tiền phạt).

- Đối với Phạm Hà H2: thu lời bất chính 15.989.000 đồng, trong quá trình điều tra, H2 đã giao nộp 50.000.000 đ, trả lại cho H2 34.011.000 đồng (được tiếp tục quy trữ đế đảm bảo thi hành khoản tiền phạt).

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Lê Thị A1, Lê Thị H1, Nguyễn Trùy C, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn H3, Bùi Sỹ N2 được hưởng lợi do hành vi phạm tội của mình, do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp. Bị cáo Trần Thị H4 do không được hưởng lợi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với các bị cáo Phạm Hà H2, Lê Thị O, Nguyễn Ngọc H6, Nguyễn Thị Thảo Nguyên D3 đã bị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[10] Về các nội dung khác trong vụ án: Trong vụ án này Lê Thị A1 có hành vi thành lập 03 doanh nghiệp (Công ty TNHH X; Công ty TNHH X; Công ty TNHH X) nhưng không thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, mà sử dụng các doanh nghiệp này thực hiện hành vi xuất bán trái phép hóa đơn nhằm mục đích hưởng lợi bất chính. Do đó kiến nghị đến Sở tài chính tỉnh T thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của 3 Công ty trên.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Lê Thị H1, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn H3, Trần Thị H4 phạm tội "trốn thuế" và tội "mua bán trái phép hóa đơn".

Lê Thị A1, Nguyễn Trùy C, Phạm Hà H2, Lê Thị O, Nguyễn Thị Thảo N phạm tội "mua bán trái phép hóa đơn".

Bùi Sỹ N2, Nguyễn Ngọc H6 phạm tội "trốn thuế".

2. Căn cứ:

** Khoản 3 Điều 200, điểm d, đ khoản 2, 3 Điều 203, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 2 Điều 54, Điều 55 Bộ luật hình sự.*

- Xử phạt: Lê Thị H1

+ Tội trốn thuế 18 (mười tám) tháng tù.

+ Tội mua bán trái phép hóa đơn 12 (mười hai) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt: 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/4/2024 đến ngày 07/8/2024).

- Phạt bổ sung 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

** Khoản 3, 4 Điều 200, điểm d khoản 2 Điều 203, Điểm b, s khoản 1,2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 55 BLHS.*

- Xử phạt: Nguyễn Văn T4

+ Tội trốn thuế 21 (hai mươi mốt) tháng tù.

+ Tội mua bán trái phép hóa đơn 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt: 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 22/4/2024 đến ngày 27/4/2024).

- Phạt bổ sung 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

** Khoản 3, 4 Điều 200, điểm d khoản 2 Điều 203, điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 54, Điều 55 Bộ luật hình sự.*

- Xử phạt: Nguyễn Văn H3

+ Tội trốn thuế 15 (mười lăm) tháng tù.

+ Tội mua bán trái phép hóa đơn 07 (bảy) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt: 22 (hai mươi hai) tháng tù.Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/01/2025 đến ngày 06/02/2025).

- Phạt bổ sung 50.000.000 đồng.

** Khoản 3 Điều 200, điểm d khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 2 Điều 54, Điều 55 Bộ luật hình sự.*

- Xử phạt: Trần Thị H4

+ Tội trốn thuế 13 (mười ba) tháng tù.

+ Tội mua bán trái phép hóa đơn 08 (tám) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt: 21 (hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07/01/2025 đến ngày 06/02/2025).

** Điểm d, đ khoản 2, 3 Điều 203, Điểm b, s, t khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.*

- Xử phạt Lê Thị A1 24 (hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạt bổ sung 50.000.000 đồng.

** Điểm d, đ khoản 2, 3 Điều 203, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự.*

- Xử phạt Nguyễn Trùy C 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạt bổ sung 50.000.000 đồng.

** Khoản 3, 4 Điều 200; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự.*

- Xử phạt Bùi Sỹ N2 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Phạt bổ sung 60.000.000 đồng.

** Điểm d khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự.*

- Xử phạt Phạm Hà H2 200.000.000 đồng (được trừ vào số tiền 34.011.000 đồng Phạm Hà Hùng đã nộp. Phạm Hà H2 còn phải nộp 165.989.000 đồng).

** Điểm d khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự.*

- Xử phạt Lê Thị O 250.000.000 đồng, được trừ số tiền 27.925.000 đồng Lê Thị O đã nộp. Lê Thị O còn phải nộp 222.075.000đ (hai trăm hai mươi hai triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

** Điểm d khoản 1 Điều 200, Điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự.*

- Xử phạt tiền Nguyễn Ngọc H6 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

** Điểm đ khoản 2 Điều 203, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 35 Bộ luật hình sự.*

- Xử phạt tiền Nguyễn Thị Thảo N 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Giao bị cáo Lê Thị A1 cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Trùy C cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Bùi Sỹ N2 cho Ủy ban nhân dân xã A, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: *Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự*

**** Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:***

- 01 (một) túi nilon màu trắng, bề mặt túi có dòng chữ "ANTIGONE". Túinilon dán giấy niêm phong có chữ ký xác nhận của thành phần tham gia và đónghình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thị xã N.Bên trong đựng 3 điện thoại *(của Lê Thị A1),* gồm:

+ 01 (một) diện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số máy:MQAD2ZD/A, số sẽ ri: G6TVVLINJCLJ, số IMEI: 353048091686503 đượclắp sim số 0923974775 màn hình điện thoại bị vỡ, bong chóc, mặt kính sau bịvỡ, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, màu trắng,số máy: MWLU2VN/A, số sẽ ri: C7CZR345N736, số IMEI: 356570103171510được lắp sim số 0339079588 đã qua sử dụng, màn hình điện thoại bị vỡ;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max, màu tím, số máy: MU7A3VN/A, số sẽ ri: H902R6KNIF. SỐ IMEI: 354449441376887 được lắp sim số 0878169998 đã qua sử dụng,

- 01 (một) phong bì thư "CÔNG AN THỊ XÃ NGHI SƠN" dán kín, niêmphong bằng giấy niêm phong có chữ ký, chữ viết của những người tham gia vàđóng hình dấu tròn màu đỏ của cơ quan CSĐT công an thị xã N. Bêntrong đựng (*của Nguyễn Thị Thảo N)*:

+ 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone màu trắng, tên kiểu máy:Iphone 15 Pro, số máy: MTUW3VN/A. số sẽ ri: MO771D93QM, số IMEI:353554804892643, số IMEI2: 353554804345667 đã qua sử dụng.

- 01 (một) phong bì công văn, trên bề mặt phong bì có dòng chữ "CÔNGAN THỊ XÃ NGHI SƠN" và "điện thoại của Nguyễn Văn T4" màu xanh,phong bì được dán kín, niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký, chữ viếtcủa những người tham gia và đóng hình dấu tròn màu đỏ của cơ quan

CSĐTcông an thị xã N. Bên trong đựng (*của Nguyễn Văn T4).*

+ 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, kiểu máy: Iphone 13 ProMax, màu trắng, số máy: MLLC3VN/A, số sẽ ri: J2V5K6M4XX, số IMEI:351339410202003, số IMEI2: 351339410461922 được lắp 01 số thuê bao:0335.735.863, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng

- 01 (một) phong bì màu trắng có dòng chữ "CÔNG AN THỊ XÃ NGHISƠN" được dán kín, niệm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký, chữ viết củanhững người tham gia và đóng hình dấu tròn màu đỏ của cơ quan CSĐT công an thị xã N, bên trong đựng (*của Nguyễn Văn H3).*

+ 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 14 Pro Max, màu gold, sốmáy: MQ9W3VN/A, số sẽ ri: DOMWKODCXH, số IMEI: 355597826650356,số IMEI2: 355597827059797 được lắp 01 số thuê bao: 0961.934.305 đã qua sửdụng.

- 01 (một) phong bì màu trắng có dòng chữ "CÔNG AN THỊ XÃ NGHISƠN" được dán kin, niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký, chữ viết củanhững người tham gia và đóng hình dấu tròn màu đỏ của cơ quan CSĐT công anthị xã N. Bên trong đựng ((*của Nguyễn Ngọc H6)*:

+ 01 (một) Diện thoại di động nhãn hiệu iPhone 11, màu đen, số IMEI 1:353204306863326, số IMEI2: 35320-4306135311 điện thoại cũ đã qua sử dụng

- 01 (một) phong bì màu trắng có dòng chữ "CÔNG AN THỊ XÃ NGHISƠN" được dán kín, niệm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký, chữ viết củanhững người tham gia và đóng hình dấu tròn màu đỏ của cơ quan CSĐT công anthị xã N. Bên trong đựng (*của Trần Thị H4)***.**

+ 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xs, màu gold, số máy:MTAJ2LL/A. só se zri: GONZX0Q4KPFR, só IMEI: 353147100715509, sóIMEI2: 353147100553470, gắn sim thuê bao 0932.314.382 điện thoại đã qua sửdụng.

- 01 (một) phong bì thư "CÔNG AN THỊ XÃ NGHI SƠN" dán kín, niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký, chữ viết của những người tham gia và đóng hình dấu tròn màu do của cơ quan CSĐT công an thị xã N. Phongbì được ký hiệu bằng ký tự "LTO".Bên trong đựng (*của Lê Thị O)*:

+ 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 Pro Max, số seri:FNOWFDJY2W, số IMEI: 357177504216206, IMEI2: 357177503608759 gắnsim số diện thoại số thuê bao: 0911.042.999, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) phong bì thư "CÔNG AN THỊ XÃ NGHI SƠN" dán kín, niêmphong bằng giấy niêm phong có chữ ký, chữ viết của những người tham gia vàđóng hình dấu tròn màu đỏ của cơ quan CSĐT công an thị xã N. Phongbì được ký hiệu bằng ký tự "LTH" (*của Lê Thị H1)*

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, tên kiểu máy: 15 ProMax, số máy: MU683LL/A số sê-ri: CF34QK9Q61, số IMEI:351465641367321,

IMEI2: 351465641329099 không lắp sim điện thoại vật lý, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) phong bì thư "CÔNG AN THỊ XÃ NGHI SƠN" dán kín, niêmphong bằng giấy niêm phong có chữ ký, chữ viết của những người tham gia vàđóng hình dấu tròn màu đỏ của cơ quan CSĐT công an thị xã N. Phongbì được ký hiệu bằng ký tự "PHH".Bên trong đựng (*của Phạm Hà H2)*:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 12 Pro Max, màu vàng,số máy: MGD93VNA, số sẽ ri: GONFG7NA0D51, số IMEI:354692271603603, số IMEI2: 354692271776102 được lắp sim điện thoại trênsim có dãy số 8401180912266797 đã qua sử dụng.

- 01 (một) thùng bìa cát tông màu vàng có kích thước (55x40x28)cm.Thùng cáttông được dán kín, niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký, chữviết của những người tham gia và đóng hình dấu tròn màu đỏ của cơ quan CSĐTcông an thị xã N. Thùng cát tông được ký hiệu bằng ký tự "DŨNGĐẠT". Bên trong đựng *(của Lê Thị O)*

+ 01 (một) Case máy tính nhãn hiệu Xtech, màu đen trên bề mặt dán temghi dòng Core I3, gắn 01 ổ cứng (kèm theo dây cáp kết nối nguồn điện); 01(một) Màn hình máy tính màu đen, nhãn hiệu S2, mã sản phẩmLX24F350FHEXXV (kèm theo dây cáp kết nối giữa Case với màn hình và dâycáp kết nối nguồn điện của màn hình), đã qua sử dụng; 01 (một) Bàn phím máy tính nhãn hiệu Fuhlen, màu đen, đã qua sử dụng; (01) Chuột máy tính nhãn hiệuFuhlen, màu đen đã qua sử dụng.

- 01 (một) thùng bìa cát tông màu vàng có kích thước (60x33,5x30)cm.Thùng cáttông được dẫn kín, niêm phong bằng giấy niêm phong có chữ ký, chữviết của những người tham gia và đóng hình dấu tròn màu đỏ của cơ quan CSĐT Công an thị xã N. Thùng bìa cát tông được ký hiệu bằng ký tự "CTHT". Bên trong đựng (của Nguyễn Văn H3).

+ 01 (một) màn hình máy tính màu đen nhãn hiệu Huntkey LED monitor Model: N2405 WH/I; Seri No: 2N2405 WH/I31.300071 màn hình đã qua sử dụng, có dây kết nối kèm theo; 01 (một) Case máy tính màu đen nhãn hiệu"CENCO", màu đen, đã qua sử dụng, có dây kết nối kèm theo; 01 (một) bànphím và chuột máy tính có dây nhãn hiệu Fuhlen màu đen đã qua sử dụng.

Tang vật trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng số 62 ngày 22/4/2025 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã N và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn và Phiếu nhập kho số NK2025/62 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn.

4. Về trách nhiệm dân sự: *Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 584, 589 BLDS*

- Nguyễn Văn H3 phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N (nay là Chi cục thuế khu vực X) số tiền trốn thuế của Công ty Cổ phần H9 là: 1.458.409.447 đồng; Công ty TNHH Đ6 là: 252.160.000 đồng; Hợp tác xã K2 là:

441.680.000 đồng.

+ Hiện Nguyễn Văn H3 đã nộp đủ số tiền trên cho Chi cục thuế khu vực thị xã N (nay là Chi cục thuế khu vực X1).

- Nguyễn Văn T4 phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N - -nay là Chi cục thuế khu vực X số tiền trốn thuế của Công ty TNHH T16 là: 3.546.746.446 đồng; nộp lại cho Chi cục thuế khu vực V4- H, Bắc Giang- nay là Chi cục thuế khu vực VI số tiền trốn thuế của Công ty TNHH T16 là 1.806.395.737 đồng.

+ Hiện Nguyễn Văn T4 đã nộp khắc phục 2.700.000.000 đồng. Trả lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N - nay là Chi cục thuế khu vực X 1.900.000.000 đồng- số tiền Nguyễn Văn T4 còn phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N - nay là Chi cục thuế khu vực X là: 1.646.746.446 đồng. Trả lại cho Chi cục thuế khu vực V4- H, Bắc Giang - nay là Chi cục thuế khu vực VI 800.000. 000 đồng- số tiền Nguyễn Văn T4 còn phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực V5 là 1.006.395.737 đồng.

- Bùi Sỹ N2, phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N - nay là Chi cục thuế khu vực X số tiền trốn thuế của Công ty TNHH Đ7 là 1.267.876.300 đồng.

+ Hiện Bùi Sỹ N2 đã nộp khắc phục 800.000.000 đồng- Trả lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N - nay là Chi cục thuế khu vực X 800.000.000 đồng. Số tiền Bùi Sỹ N2 còn phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N (nay là Chi cục thuế khu vực X1) là 467. 876.300 đồng.

- Nguyễn Ngọc H6, phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N - nay là Chi cục thuế khu vực X số tiền trốn thuế của Công ty TNHH B1.VN là 160.874.000 đồng.

+ Hiện Nguyễn Ngọc H6 đã nộp khắc phục 100.000.000 đồng. Trả lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N (nay là Chi cục thuế khu vực X1) 100.000.000 đồng. Số tiền Nguyễn Ngọc H6 còn phải nộp lại cho Chi cục thuế khu vực thị xã N (nay là Chi cục thuế khu vực X1) là 60.874.000 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thi hành các khoản tiền bồi thường thì phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Số tiền các bị cáo khắc phục hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn theo các biên lai thu tiền số 0001380 ngày 24/4/2025; số 0001384 ngày 28/4/2025; số 0001386 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn. Ký gửi tại Phòng G2 - Kho bạc Nhà nước khu vực X theo Biên bản giao nhận tài sản số 10/2024/BBBG-KBNS ngày 21/5/2024 giữa Công an thị xã N và Kho bạc nhà nước N7 và Phiếu nhập kho ngày 21/5/2024 của Kho bạc nhà nước N7.

5. Về biện pháp tư pháp: *Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.*

Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc mua bán hóa đơn trái phép.

- Đối với Lê Thị A1: thu lợi bất chính 392.250.824 đồng

+ Trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử A1 đã giao nộp 230.000.000đ. Tịch thu số tiền trên để sung công quỹ Nhà nước.

+ Lê Thị A1 còn phải nộp lại số tiền 162.250.824 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với Lê Thị H1: thu lợi bất chính 389.827.977 đồng

+ Trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử H1 đã giao nộp 230.000.000đ. Tịch thu số tiền trên để sung công quỹ Nhà nước.

+ Lê Thị H1 còn phải nộp lại số tiền 159.827.977 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với Nguyễn Trùy C: thu lợi bất chính là 824.614.342 đồng, (trong đó Nguyễn Thị Thảo N giúp sức cùng với C thu lời bất chính 160.574.749 đồng). Do đó Nguyễn Trùy C phải có trách nhiệm khắc phục số tiền 664.039.593 đồng.

+ Trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử Trí được tính đã giao nộp 420.000.000đ. Tịch thu số tiền trên để sung công quỹ Nhà nước.

+ Nguyễn Trùy T14 còn phải nộp lại số tiền 244.039.593 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với Nguyễn Thị Thảo N: cùng với C thu lời bất chính 160.574.749 đồng.

+ Trong quá trình điều tra và giai đoạn chuẩn bị xét xử Nguyên được tính đã giao nộp 110.000.000đ. Tịch thu số tiền trên để sung công quỹ Nhà nước.

+ Nguyễn Thị Thảo N còn phải nộp lại 50.574.749 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với Lê Thị O: thu lời bất chính 22.075.168 đồng.

+ Trong quá trình điều tra, O đã giao nộp 50.000.000 đ. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 22.075.168 đồng.

+ Trả lại cho Lê Thị O 27.925. 000 đồng (được tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành khoản tiền phạt).

- Đối với Phạm Hà H2: thu lời bất chính 15.989.000 đồng.

+ Trong quá trình điều tra, H2 đã giao nộp 50.000.000 đ. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 15.989.000 đồng.

+ Trả lại cho Phạm Hà H2 34.011.000 đồng (được tiếp tục quy trữ đế đảm bảo thi hành khoản tiền phạt).

Số tiền các bị cáo khắc phục hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn Theo các biên lai thu tiền số 0001381 ngày 26/4/2025; số 0001383 ngày 28/4/2025; số 0001387 ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn. Ký gửi tại Phòng G2 - Kho bạc nhà nước khu vực X theo Biên bản giao nhận tài sản số 06/2025/BBBG-KBNS ngày 26/2//2025 giữa Công an thị xã N và Kho bạc nhà nước N7 và Phiếu nhập kho ngày 26/2/2025 của Kho bạc nhà nước N7: Biên bản giao nhận tài sản số 30/2024/BBBG-KBNS ngày 05/9/2024 giữa Công an thị xã N và Kho bạc nhà nước N7 và Phiếu nhập kho ngày 05/9/2024 của Kho bạc nhà nước N7: Biên bản giao nhận tài sản số 17/2024/ BBBG-KBNS ngày 20/6/2024 và Phiếu nhập kho ngày 20/6/2024 của Kho bạc nhà nước N7; Biên bản giao nhận tài sản số 27/2024/ BBBG-KBNS ngày 23/8/2024 và Phiếu nhập kho ngày 23/8/2024 của Kho bạc nhà nước N7.

6. Về án phí*: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH:* Buộc các bị cáo Lê Thị A1, Lê Thị H1, Nguyễn Trùy C, Nguyễn Thị Thảo N, Lê Thị O, Phạm Hà H2, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn H3, Trần Thị H4, Bùi Sỹ N2, Nguyễn Ngọc H6 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc được niêm yết bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- CQ THAHS công an tỉnh Thanh Hoá;
- CCTHADS TX Nghi Sơn;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Người TGTT khác;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đình Thuận